



Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

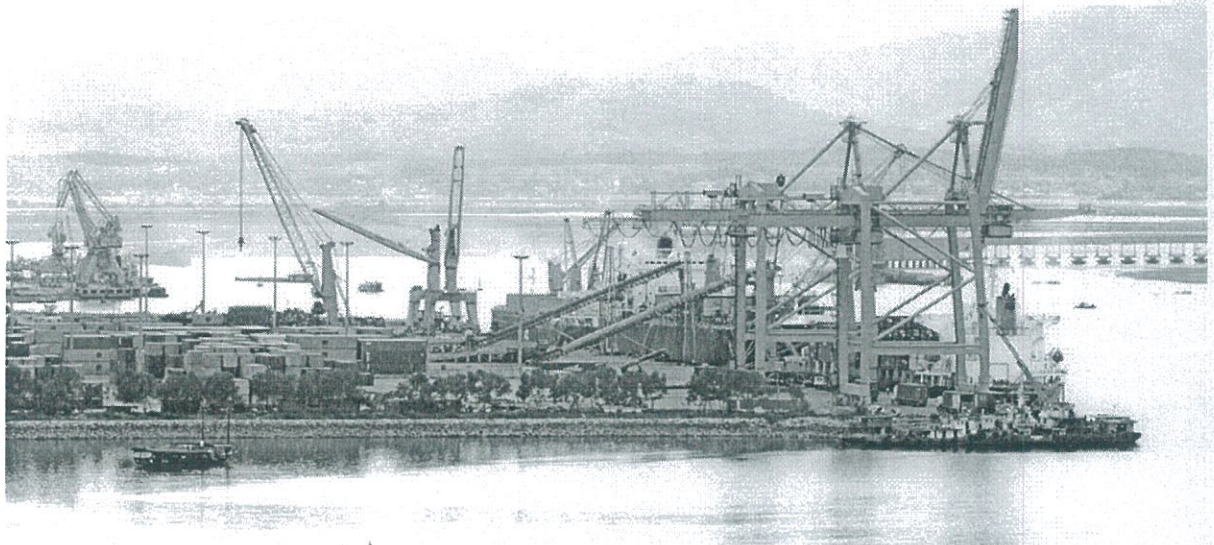
Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh
Quảng Ninh

Số điện thoại: (84-02033) 825624

Số fax: (84-02033) 826118

Website: <http://quangninhport.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



Quảng Ninh, tháng 04 năm 2019

M.S.D.A.
TP.

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
• <i>Mô hình quản lý công ty</i>	3
• <i>Các công ty con, công ty liên kết:</i>	5
5. Định hướng phát triển	5
6. Các nhân tố rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	9
1. Tình hình sản xuất kinh doanh	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
2.1 <i>Danh sách Ban điều hành</i>	10
2.2 <i>Sơ yếu lý lịch</i>	11
Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng.....	11
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	16
4. Tình hình tài chính	18
4.1 <i>Tình hình tài chính</i>	18
4.2 <i>Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</i>	19
5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
5.1 <i>Cổ phần</i>	19
5.2 <i>Cơ cấu cổ đông</i>	19
5.3 <i>Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	20
5.4 <i>Giao dịch cổ phiếu quỹ</i>	20
5.5 <i>Các chứng khoán khác</i>	20
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	20
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018	20
1.1 <i>Chỉ tiêu SXKD</i>	20
1.2 <i>Chỉ tiêu tài chính</i>	21
1.3 <i>Các hạng mục đầu tư, XDCB phục vụ sản xuất</i>	21
2. Đánh giá	22
2.1. <i>Đánh giá hoạt động kinh doanh</i>	22
2.2. <i>Đánh giá hoạt động sản xuất</i>	23

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	24
3.1. Mục tiêu và định hướng chiến lược	24
3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD.....	26
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	28
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	28
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty	29
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	29
V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:.....	29
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát	30
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	31
4. Các giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có.....	32
5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.....	32
6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:.....	32
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY	32
1. Ý kiến của kiểm toán độc lập	32
2. Báo cáo tài chính kiểm toán	32

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014
- Vốn điều lệ: 500.499.360.000 đồng (*Năm trăm tỉ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng*)
- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (84-02033) 825624
- Số fax: (84-02033) 826118
- Website: <http://quangninhport.com.vn>
- Mã cổ phiếu: CQN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 29/08/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226/QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh và chuyển Ty Cảng vụ, Hoa tiêu Hồng Gai - Cẩm Phả trực thuộc Cục đường biển về Cảng Quảng Ninh quản lý. Trước đòi hỏi phải có sự chuyển đổi phù hợp về tổ chức bộ máy và cơ chế quản lý của ngành Hàng hải, ngày 06/4/1991, Bộ Giao thông Vận tải đã ra Quyết định tách bộ phận Cảng vụ thuộc Cảng Quảng Ninh ra thành lập Cảng vụ Quảng Ninh với nhiệm vụ quản lý nhà nước về chuyên ngành Hàng hải. Tiếp theo đó ngày 30/9/1991, Liên hiệp Hàng hải Việt Nam cũng có Quyết định tách bộ phận Hoa tiêu ra khỏi Cảng Quảng Ninh để thành lập Công ty Hoa tiêu khu vực III. Ngày 30/8/2007, Cảng Quảng Ninh được chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Từ khi cổ phần hóa tới nay Công ty chưa tiến hành tăng vốn. Ngày 22/8/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 22 tháng 08 năm 2014 đến nay.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh theo công văn số 2689/TTg-ĐMDN ngày 31/12/2014; Công văn số 20/TTg-ĐMDN ngày 9/3/2015 và của Bộ trưởng Bộ GTVT tại công văn số 104/BGTVT-QLDN ngày 23/3/2015 và Quyết định số 1047/QĐ-BGTVT ngày 27/3/2015, ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn Nhà nước sở hữu tại

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh cho Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (98,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

⚡ Ngành nghề kinh doanh

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22 tháng 08 năm 2014, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết:</i> - Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; - Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (Không bao gồm ngành: bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245);	5224 (Chính)
2.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;	2592
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
4.	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn gạo	4631
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
9.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên kinh doanh; <i>Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu</i>	4730
13.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)</i>	5210
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
	mục nhà nước cấm)	
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
16.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa	5021
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; <i>Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải</i>	5222
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; <i>Chi tiết:</i> - Giao nhận hàng hóa - Kinh doanh dịch vụ Logistic <i>(không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)</i>	5229
21.	Đại lý du lịch	7911
22.	Điều hành tua du lịch	7912
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
24.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920

✚ **Hoạt động chính của công ty**

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải,
- Kinh doanh nông sản.

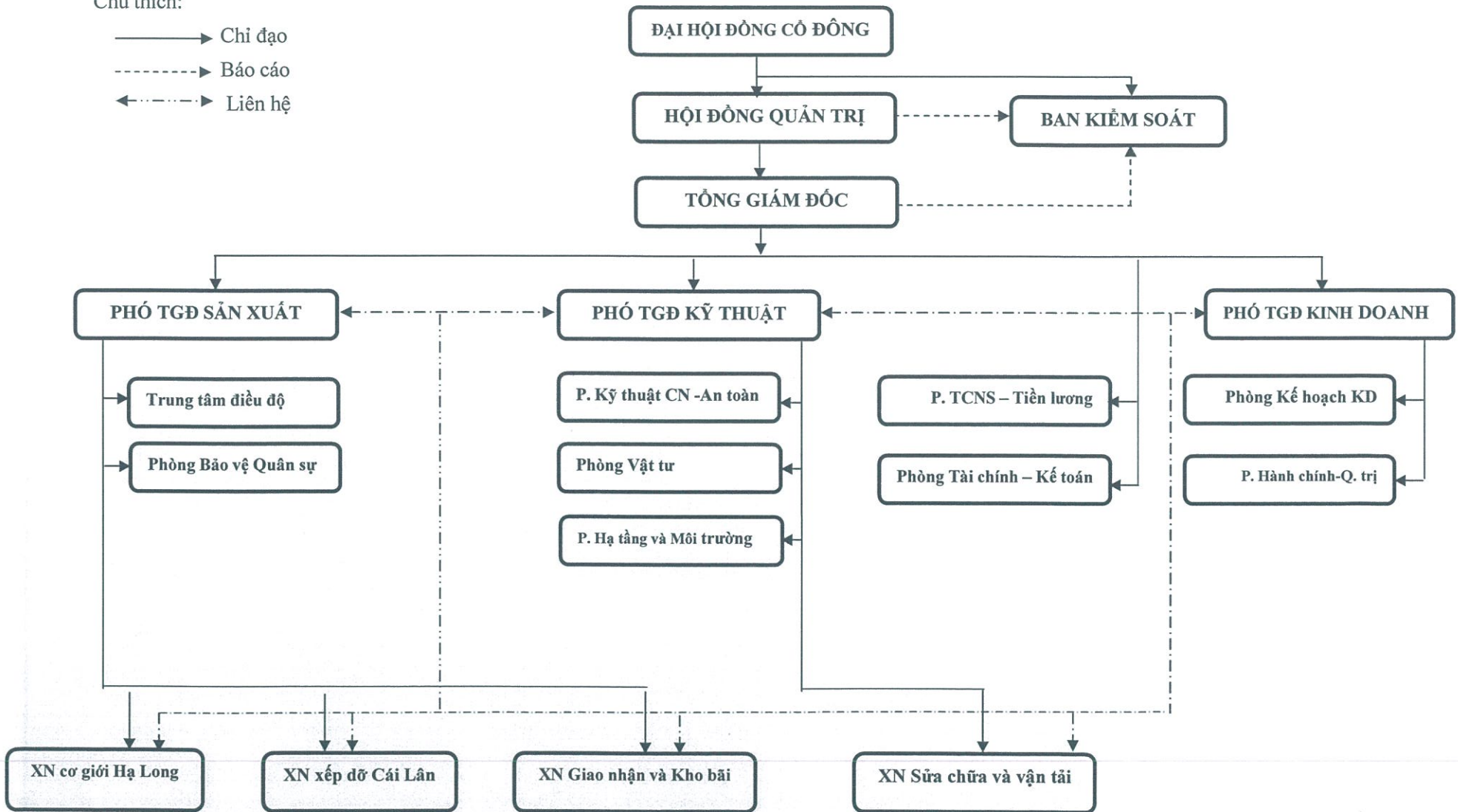
✚ **Địa bàn kinh doanh: Quảng Ninh**

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

✚ **Mô hình quản lý công ty**

Chú thích:

- Chi đạo
- - - Báo cáo
- ← - - - Liên hệ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

✚ **Các công ty con, công ty liên kết:**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty

❖ **Công ty cổ phần Tập đoàn T&T**

- Trụ sở chính: Số 18 Phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000.000 đồng

- Tỷ lệ sở hữu tại Cảng Quảng Ninh: 98,33% vốn điều lệ

- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Không có.

- **Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan**

Từ năm 2009 – 2016, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã đầu tư góp vốn vào ba (03) công ty cùng ngành là các công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và ba (03) công ty ngoài ngành cụ thể như sau:

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Vinalines Logistics: 1.000.000.000 đồng - chiếm 0,71%

- Góp vốn vào Công ty CP Vinalines Đông Bắc: 2.207.213.772 đồng – chiếm 25,53%

- Góp vốn vào công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân. Năm 2007 công ty bắt đầu đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân (CPI) theo quyết định số 587/QĐ-CQN ngày 25/10/2007 của Giám đốc Cảng Quảng Ninh. Tại thời điểm 31/12/2018 vốn góp đầu tư vào CPI là 29.709.990.000 đồng, trong đó vốn góp của CBCNV Cảng là 5.159.390.000 đồng, vốn đầu tư trực tiếp của Cảng là 24.550.600.000 đồng – chiếm 8,14%.

- Góp vốn vào Ngân hàng TMCP Hàng hải với vốn góp: 1.015.739.351 đồng – chiếm 0,01%.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long với vốn góp 8.059.638.000 đồng - chiếm 13,43%.

- Năm 2016, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh góp vốn vào Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty CP với giá trị vốn góp 156.918.438.000 đồng - chiếm 12,23%.

5. Định hướng phát triển

Nằm ở trung tâm Vịnh Bắc Bộ, Cảng Quảng Ninh được xem là cửa ngõ ra biển Đông của khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, các nước có biên giới giáp phía Tây Bắc nước ta. Cảng Quảng Ninh còn có lợi thế nằm gần Trung Quốc – một đối tác lớn trong hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu.

Trong nhiều năm liền, Cảng Quảng Ninh luôn là một trong những cảng dẫn đầu cả nước về sản lượng hàng hóa thông qua, xác lập và giữ vai trò là cảng quan trọng của hoạt động giao thương phía Bắc, là cửa ngõ giao thông lớn của đất nước.

Trong hệ thống cảng biển Việt Nam, Cảng Quảng Ninh được đánh giá là một trong những cảng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Bên cạnh đó, Cảng Quảng Ninh còn được khách hàng tín nhiệm bởi cách thức làm việc linh hoạt, trách nhiệm và chuyên nghiệp. Từ nhiều năm qua Cảng luôn được các chủ hàng, chủ tàu trong nước và quốc tế biết đến với

năng suất, chất lượng cao, giải phóng tàu nhanh. Đó cũng chính là những yếu tố giúp Cảng nâng cao được khả năng cạnh tranh trên thị trường, khẳng định thương hiệu và giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm.

Với định hướng phát triển của cảng biển như nêu trên, đặc biệt là kế hoạch phát triển hệ thống cảng biển đảm bảo lưu thông hàng hóa đến năm 2020 rất phù hợp với ngành nghề kinh doanh của công ty, tạo cơ hội lớn cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của công ty trong những năm tới.

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, đẩy mạnh khai thác thêm các ngành hàng truyền thống (sắt vụn, dăm gỗ, ...) và các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.

- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thưởng phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.

- Chú trọng phát triển mối quan hệ với các khách hàng chiến lược: Các nhà cung cấp, các hãng tàu, đại lý hàng hải...đẩy mạnh công tác marketing và chăm sóc khách hàng nhằm thu hút tàu cũng như mặt hàng mới về Cảng.

- Đẩy mạnh dịch vụ logistics nhằm khai thác tối đa lợi thế sẵn có của cảng, các công ty con của Tập đoàn và tăng giá trị gia tăng.

- Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong các năm qua.

- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.

- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Trong hoạt động sản xuất

- Rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khấu hao, giảm chi phí trong sản xuất.

- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.

- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.

- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng dịch vụ.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp và đầu tư vào trang thiết bị đã cũ, năng suất thấp hoặc thường xuyên hỏng hóc của tuyến tiền phương, hậu phương nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.

- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2ha vào kế hoạch khai thác trong năm 2019.

c) Trong quản lý điều hành

- Rà soát toàn bộ các chi phí trong hoạt động hàng ngày, cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn bộ công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước, giao tế... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành..

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn mức thu nhập hàng năm.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết và nâng cao năng suất lao động trong toàn công ty.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

6. Các nhân tố rủi ro

❖ **Rủi ro về kinh tế:**

- Hạ tầng xung quanh khu vực Cảng chưa được cải thiện, hệ thống đường từ KCN Cái Lân vào Cảng đã xuống cấp chưa được đầu tư sửa chữa, nâng cấp thường xuyên gây ùn tắc, luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông cao, đặc biệt là không có bãi đỗ xe ngoài cổng Cảng, không đáp ứng đủ nhu cầu gây ra tình trạng ách tắc tại khu vực đường vào cảng.

- Hệ thống giao thông kết nối với các khu kinh tế, các tỉnh lân cận vẫn đang trong quá trình nâng cấp làm hạn chế tốc độ lưu thông dẫn đến phát sinh chi phí cho doanh nghiệp vận tải.

- Hệ thống luồng lạch, vùng quay trở tàu bị sa bồi và chưa được đầu tư kịp thời dẫn đến hạn chế tàu có trọng tải lớn vào Cảng.
- Các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh đã hình thành nhưng nguồn hàng, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng rất thấp.
- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xếp dỡ, các cảng với nhau ngày càng khốc liệt, đặc biệt là giá xếp dỡ ngày càng giảm sâu. Vấn đề này đã thực sự gây khó khăn nhất định cho Cảng.
- Các cơ quan quản lý Nhà nước, chính quyền Tỉnh chưa đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại kết nối các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó có cảng biển, những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp tại địa bàn chưa được tháo gỡ kịp thời.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chưa chủ động thay đổi theo mô hình quản trị mới, vẫn còn tư tưởng cơ chế doanh nghiệp Nhà nước nên công việc triển khai còn thụ động và chậm tiến độ.
- Hệ thống quy trình, quy định chưa được chuẩn hóa và đầy đủ, một số quy trình xây dựng mới không được ban hành kịp thời để giải quyết các phát sinh trong thực tế.
- Trang thiết bị, CCDC được đầu tư đã lâu, hoạt động liên tục nên bị hỏng hóc thường xuyên, đội ngũ kỹ thuật chưa khắc phục kịp thời dẫn đến giảm năng suất lao động, ảnh hưởng đến khả năng giải phóng tàu và tiếp nhận của cầu bến.

❖ **Rủi ro về luật pháp:**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập... Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Do hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong quá trình hoạt động, công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi pháp luật, áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

❖ **Rủi ro đặc thù**

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Các yếu tố thị trường như giá, nhu cầu hàng hóa, hạn ngạch xuất nhập khẩu... ảnh hưởng đến các khách hàng của Cảng Quảng Ninh cũng sẽ kéo theo sự sụt giảm hoặc gia tăng sản lượng hàng hóa làm hàng tại Cảng.

Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

❖ **Rủi ro khác:**

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	So sánh (%) thực hiện 2018 với	
						KH 2018	TH 2017
I	Chỉ tiêu SXKD						
A	Chỉ tiêu kinh doanh Cảng biển						
1	Sản lượng thông qua	Tấn TQ	7.600.000	8.639.118	7.289.401	113,7%	118,5%
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn XD	7.680.000	8.927.130	7.276.169	116,2%	122,7%
3	Số tàu ra vào cảng	Lượt tàu	334	385	324	115,3%	118,8%
4	Doanh thu dịch vụ cảng biển	Tỷ đồng	390,00	415,51	385,16	106,5%	107,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	91,786	92,900	88,660	101,2%	104,8%
B	Chỉ tiêu kinh doanh nông sản						
1	Sản lượng	Tấn	800.000	909.990	184.425	113,7%	493,4%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.000	4.624	898,41	115,6%	514,7%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	So sánh (%) thực hiện 2018 với	
						KH 2018	TH 2017
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,214	1,013	-0,148	473,4%	-684,5%
II	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.585,3	2.823,0	1.585,3	178,1%	178,1%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	597,51	599,67	579,71	100,4%	103,4%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.390	5.040	1.284	114,8%	392,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	92,00	93,91	88,51	102,1%	106,1%
III	Chỉ tiêu lao động						
1	Số lượng lao động (bình quân)	người	785	758	792	96,6%	95,7%
2	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ/tháng	10,666	11,760	10,466	110,3%	112,4%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

Hội đồng quản trị (HĐQT):

✦ Từ ngày 01/01/2018 đến trước ngày 20/5/2018:

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT

✦ Từ ngày 20/5/2018 đến nay:

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT

Ban Tổng giám đốc (BTGD):

✦ Từ ngày 01/01/2018 đến nay:

Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng giám đốc

Ông Đinh Anh Tuấn

Phó Tổng giám đốc

Ban kiểm soát

✚ Từ ngày 01/01/2018 đến trước ngày 02/01/2018

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Phùng Xuân Dũng

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Đỗ Quang Hưng

Thành viên Ban kiểm soát

✚ Từ ngày 02/01/2018 đến ngày 20/5/2018

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Đỗ Quang Hưng

Thành viên Ban kiểm soát

✚ Từ ngày 20/5/2018 đến nay

Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Đỗ Quang Hưng

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Lương Thị Yến

Thành viên Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

✚ Từ ngày 01/01/2018 đến trước ngày 10/7/2018:

Ông Nguyễn Tư Thịnh

Trưởng phòng tài chính kế toán

✚ Từ ngày 10/7/2018 đến nay:

Ông Nguyễn Tư Thịnh

Kế toán trưởng

2.2 Sơ yếu lý lịch

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
Hội đồng quản trị		
1. Chủ tịch HĐQT: Đỗ Ngọc Khanh		
- Số CMND: 111535338 cấp ngày 01/4/2011 tại CA Hà Nội - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 06/8/1983 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: Xóm Ngánh, thôn Ngọc Than, xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, Hà Nội - Trình độ văn hóa: 12/12	- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần - Số cổ phần của người có liên quan: Không có	- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật (ĐH Luật Hà Nội) - Luật sư - Ngoại ngữ: Anh văn trình độ C. - Các chức vụ đã đảm nhiệm: + Giám đốc Ban Pháp chế; + Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT + Phó Chánh văn phòng phụ trách văn phòng HĐQT Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội + TV HĐQT Công ty CP Đầu tư và xây dựng Tam Sơn; + TV HĐQT Công ty CP Phát triển Bóng đá Hà Nội; + TV HĐQT Công ty CP Đầu tư QNK Quảng Nam; + Giám đốc Công ty TNHH Nông nghiệp T&T; + TV HĐQT Công ty phát triển bóng đá Sài Gòn; + Chủ tịch kiêm GD CLB Bóng bàn Hà Nội T&T 		<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
<p>2. Thành viên HĐQT: Phạm Công Đoàn</p>		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CCCD: 037057000017 cấp ngày 20/3/2017 tại Cục CS.ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 08/02/1960 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc : Kinh - Địa chỉ thường trú : Số 33 ngõ 75 Hồng Hà – Phúc Xá – Ba Đình – Hà Nội - Trình độ văn hóa: 10/10 - Trình độ chuyên môn: + Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Quốc dân - Quá trình công tác: + Phó phòng kế toán công ty Than Hòn Gai. + Kế toán trưởng Công ty XNK và hợp tác quốc tế - TKV. + Phó giám đốc Công ty CP XNK thanh – TKV. + Trưởng ban kiểm toán nội bộ Tập đoàn CN Than – KS Việt Nam. + Trưởng ban kiểm soát mỏ than Đèo Nại, trưởng ban kiểm soát mỏ than Hà Lâm, trưởng ban kiểm soát mỏ than Cao Sơn. + Ủy viên thường trực Hội đồng thành viên Tổng công ty CN mỏ Việt Bắc – Vinacomin 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần. - Số lượng cổ phần đại diện : 49.212.432 cổ phần (của Tập đoàn T&T) - Số cổ phần của người có liên quan : Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<p>- Các chức vụ đã đảm nhiệm:</p> <p>+ Trưởng phòng kinh doanh Tập đoàn T&T</p> <p>+ Phó giám đốc Công ty T&T Motor</p> <p>+ Phó phòng KHTV Công ty CP Cảng Quảng Ninh</p>		<p>quan đối với Công ty : Không có</p>
<p>4. Thành viên HĐQT Nguyễn Phú Quân</p>		
<p>Số CCCD: 001082024808, cấp ngày 19/10/2017 tại Cục CS.ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 23/01/1982</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh</p> <p>- Địa chỉ thường trú: Số 10 Lò Đức, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội</p> <p>- Trình độ văn hóa : 12/12</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý</p> <p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ Chuyên viên phòng Tổ chức cán bộ Tổng công ty thương mại Hà Nội</p> <p>+ Chuyên viên/Giám đốc/Phó giám đốc ban Tổ chức Nhân sự Công ty cổ phần Tập đoàn T&T</p> <p>+ Giám đốc Ban Tổ chức Hành chính/ Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội</p> <p>+ Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Công ty cổ phần Bệnh viện GTVT</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.</p> <p>- Số lượng cổ phần đại diện: 0 cổ phần</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty : Không có</p> <p>- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có</p>
<p style="text-align: center;">Ban Điều hành</p>		
<p>1. Tổng giám đốc Bùi Quang Đạo: như trên</p>		
<p>2. Phó Tổng giám đốc Hoàng Trọng Tùng</p>		
<p>- Số CMND: 100052977 cấp ngày 17/11/2007 tại CA Quảng Ninh</p> <p>- Giới tính: Nam</p> <p>- Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960</p> <p>- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh</p> <p>- Quê quán: Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh</p> <p>- Địa chỉ thường trú : Tổ 1 Khu 8 phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh</p>	<p>- Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.400 cổ phần.</p> <p>- Số cổ phần của người có liên quan: Không có</p>	<p>- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có</p> <p>- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có</p>

Thông tin cá nhân	Thông tin về cổ phần	Thông tin về lợi ích và các khoản nợ
<ul style="list-style-type: none"> - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh 		<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
3. Phó Tổng giám đốc Đinh Anh Tuấn		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 100462878 cấp ngày 20/7/2012 tại CA Quảng Ninh - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 28/7/1966 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Yên Định, Thanh Hóa - Địa chỉ thường trú: Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD Kinh tế công nghiệp & Xây dựng - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A) 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 12.703 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan : Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty : Tạm ứng của Công ty 937.777.315 đồng - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
4. Phó Tổng giám đốc Quách Đình Phú		
<ul style="list-style-type: none"> - Số CMND: 100848521 cấp ngày 30/9/2009 tại CA Quảng Ninh - Giới tính: Nam - Ngày tháng năm sinh: 14/1/1964 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh - Quê quán: Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình - Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh - Trình độ văn hóa: 12/12 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển nghiệp. - Lý luận chính trị: Cao cấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 9.955 cổ phần. - Số cổ phần của người có liên quan: Không có 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
I. Tổng số lao động	745	100
1. Ban điều hành	04	0,5
2. Đảng, công đoàn	02	0,3
3. Lao động quản lý (từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên)	29	3,9
4. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	94	12,6
5. Lao động trực tiếp sản xuất	465	62,4
6. Lao động thừa hành, phục vụ	151	20,3
II. Trình độ chuyên môn	745	100
1. Trình độ trên đại học	4	0,5
2. Trình độ đại học	203	27,3
3. Trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	73	9,8
4. Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	279	37,4
5. Chưa qua đào tạo, (LĐPT)	186	25

✦ Chế độ làm việc

Nguồn nhân lực là nguồn tài nguyên sống duy nhất (con người) có thể sử dụng và kiểm soát các nguồn lực khác, có thể khai thác tốt nhất khả năng, năng suất và hiệu quả của chúng. Vì vậy, nếu khả năng và năng lực của người lao động được nâng cao và phát triển thì Công ty sẽ ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững hơn.

Quan điểm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu của Công ty là: Tuyển dụng và bổ nhiệm đúng năng lực, đúng vị trí; trả công xứng đáng với năng lực làm việc và thành tích đóng góp.

Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động lập kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa. Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực. Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

Nghiên cứu xây dựng chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao. Từ ngày 1/7/2017, Công ty tiến hành trả lương theo Quy chế tiền lương mới theo quyết định số 14/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ban hành ngày 1/7/2017, việc trả lương theo Quy chế mới đã góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, tích cực sáng tạo trong sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty; thực hiện phân phối làm theo năng lực, hưởng theo hiệu quả công việc đã tạo ra sự công bằng giữa các tập thể, cá nhân. Việc điều chỉnh lương được xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của CBNV và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Chính sách thưởng :**

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người lao động có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chấp hành tốt nội quy của công ty. Tiền thưởng chỉ cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.

- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

- Đối với lãnh đạo công ty: Gồm các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, sản suất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ **Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:**

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động trong công ty còn được công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...

- Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, Ban Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị, cán bộ nghiệp vụ... hàng tháng.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Tăng/ giảm	
				tuyệt đối	%
1	Tổng giá trị tài sản	1.585.335.544.445	2.823.023.822.543	1.237.688.278.098	178,07
2	Doanh thu thuần	1.329.767.719.120	5.127.638.809.054	3.797.871.089.934	385,60
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	71.954.930.892	73.921.661.468	1.966.730.576	102,73
4	Lợi nhuận khác	16.564.785.572	19.991.740.042	3.426.954.470	120,69
5	Lợi nhuận trước thuế	88.519.716.464	93.913.401.510	5.393.685.046	106,09
6	Lợi nhuận sau thuế	71.083.487.052	75.763.105.720	4.679.618.668	106,58

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,11	1,07	
1.2	Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn]	1,07	1,05	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
2.1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,63	0,79	
2.2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,73	3,71	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
3.1	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,84	1,82	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,05	0,01	
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,12	0,13	
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,03	
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Tổng tài sản	0,05	0,03	

5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 50.049.936 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 88.290 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 49.961.646 cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ
I	CỔ ĐÔNG LỚN	1	49.212.432	98,33%
1	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T		49.212.432	98,33%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	2	79.690	0,16%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Trong nước:	2	79.690	0,16%
	- Ngoài nước	0	0	0%
III	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	440	757.814	1,51%
	- Trong nước	440	757.814	1,51%
	- Ngoài nước	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	443	50.049.936	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

5.5 Các chứng khoán khác

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

1.1 Chỉ tiêu SXKD

❖ *Hoạt động kinh doanh cảng biển*

- Tổng sản lượng hàng hóa thông qua năm 2018 đạt 8,64 triệu tấn, tăng 1,35 triệu tấn (18,5%) so với năm 2017, tăng 1,04 triệu tấn (13,7%) so với kế hoạch đề ra.
- Tổng sản lượng hàng hóa xếp dỡ năm 2018 đạt 8,93 triệu tấn, tăng 1,65 triệu tấn (22,7%) so với cùng kỳ năm 2017, tăng 1,25 triệu tấn (16,2%) so với kế hoạch đề ra.
- Doanh thu khai thác cảng năm 2018 đạt 415,51 tỷ đồng, tăng 30,35 tỷ đồng (7,88%) so với năm 2017, tăng 25,51 tỷ đồng (6,54%) kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Sản lượng hàng hóa qua Cảng tăng mạnh ; thay đổi chính sách kinh doanh, đa dạng hóa các loại hàng bốc xếp qua cảng ; các mặt hàng mới phát sinh trong năm 2018 tăng so với năm 2017.

❖ *Hoạt động kinh doanh nông sản*

- Việc kinh doanh mua bán nông sản bắt đầu từ quý IV/2017. Trong năm 2018 đã thực hiện 24 phương án kinh doanh với doanh thu 4.624,6 tỷ đồng và lợi nhuận gộp đạt 1,01 tỷ đồng.

❖ Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2018 so với năm 2017 tăng 5,4 tỷ đồng (6,1%) do chênh lệch doanh thu, chi phí năm 2018 cao hơn so với chênh lệch doanh thu, chi phí năm 2017.

1.2 Chỉ tiêu tài chính

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 là 2.823,02 tỷ đồng, tăng 1.237,68 tỷ đồng (78,1%) so với năm 2017.

- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018 là 599,67 tỷ đồng, tăng 19,97 tỷ đồng (3,44%) so năm 2017, chủ yếu là do tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2018 là 2.233,35 tỷ đồng, bằng 221,2 lần so với năm 2017. Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2018 là 2.162,23 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2017 là 933,60 tỷ đồng), chủ yếu là do phát sinh vốn góp, đặt cọc, và các khoản lãi phát sinh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với công ty cổ phần Tập đoàn T&T.

1.3 Thu nhập bình quân người lao động đạt 11,760 triệu đồng/ người/ tháng, tăng 12,4% so với năm 2017.

1.3 Các hạng mục đầu tư, XD/CB phục vụ sản xuất

⚡ Về cơ sở hạ tầng

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Giá trị (đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Các hạng mục sửa chữa, duy tu thường xuyên thực hiện dở dang trong năm 2017 và hoàn thành trong năm 2018	534.994.547	Năm 2018	Thực hiện bằng vốn của Công ty. Đã hoàn thành
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2018	706.394.194	Năm 2018	Thực hiện bằng vốn của Công ty. Đã hoàn thành
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ	17.718.132	Năm 2018	Thực hiện bằng vốn của Công ty. Đã hoàn thành
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn	19.050.485.682	Năm 2018	Vốn của Công ty: 6.320.485.682 đồng. Vốn khác: 12.730.000.000 đồng. Đã hoàn thành
5	Các dự án đầu tư mới	2.398.216.484	Năm 2018	Thực hiện bằng vốn của Công ty. Đã hoàn thành
6	Các hạng mục phát sinh khác	1.895.196.686	Năm 2018	Vốn của Công ty: 975.232.257 đồng Vốn khác: 919.964.429 đồng. Đã hoàn thành
Tổng giá trị thực hiện		24.603.005.725		

⚡ Về đầu tư mua sắm thiết bị

TT	Tên thiết bị, CCDC	Số lượng	Giá trị (đồng)
1	Máy hàn tự động TIG	01 chiếc	99.000.000
2	Máy cắt hơi tự động	01 chiếc	9.200.000
3	Bộ kích thủy lực đẩy ngang	01 bộ	298.918.400
	Tổng cộng		407.118.400

2. Đánh giá

2.1. Đánh giá hoạt động kinh doanh

2.1.1. Đạt được

- Kinh doanh cảng biển: Sản lượng hàng hóa xếp dỡ tăng 16,2%, doanh thu tăng 6,5% so với kế hoạch đặt ra. Lợi nhuận trước thuế tăng 4,240 tỷ đồng (4,8%) so với năm 2017
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tạo uy tín cho khách hàng hợp tác kinh doanh với Cảng. Xây dựng các phương án tối ưu cho việc xếp dỡ hàng hóa có lợi cho khách hàng và đảm bảo doanh thu cho Cảng.
- Ngoài các mặt hàng truyền thống như: TĂCN (thức ăn chăn nuôi), dăm gỗ, sắt thép phế liệu, ...khởi kinh doanh đã chủ động tập trung và đẩy mạnh hoạt động marketing, tiếp thị thêm các mặt hàng mới và khách hàng mới về Cảng, mở rộng thêm các dịch vụ hậu cần sau cảng, dịch vụ logistics... Phát triển dịch vụ hàng hóa như khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa và làm các thủ tục khác đối với hàng TĂCN cho một số chủ hàng.
- Đã làm việc và tạo mối gắn kết lâu dài với các chủ hàng dăm gỗ lớn.
- Đã hoàn thành kế hoạch công tác tìm hiểu và nắm bắt thông tin về những mặt hàng chủ lực mà các cảng khu vực Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng đang khai thác.
- Đã thu hút được nhiều shipper về làm hàng tại Cảng.
- Thực hiện ký thưởng phạt giải phóng tàu đối với nhiều shipper hàng TĂCN.
- Xây dựng chính sách kinh doanh tổng thể, áp dụng có hiệu quả với các đối tượng khách hàng.
- Công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tương đối sát với từng ngành hàng, diễn biến thị trường.
- Công tác logistics có sự tăng trưởng mạnh, đặc biệt là dịch vụ giao nhận và thông quan hàng hóa.
- Nợ xấu đã được thu hồi tích cực, chiếm 23,33% trong cơ cấu dư nợ (giảm nhẹ 2,51% so với thời điểm 01/01/2018), không để phát sinh công nợ khó đòi. Nhiều khoản nợ rất khó thu hồi đã có giải pháp tích cực để giải quyết triệt để.
- Các vụ kiện tranh chấp kinh tế đối với 3 công ty: Thành Anh, Phúc Quang Hồng Anh, Ngôi Sao Hạ Long, Quang Minh đang thực hiện sát sao theo chỉ đạo của BDH, HĐQT.

2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác phân tích thông tin thị trường còn chưa bám sát, kịp thời, thường xuyên.
- Chưa đẩy mạnh và khai thác hết các dịch vụ là thế mạnh và tiềm năng của Cảng như: dịch vụ đại lý hàng hải và cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics đường bộ, đường thủy.

- Chưa đi sâu vào tìm hiểu, phân tích, đánh giá thị trường của các doanh nghiệp trong tỉnh có hàng hóa xuất nhập khẩu, nhất là các doanh nghiệp tại khu vực cửa khẩu Móng Cái, Bắc Song Sinh để khai thác thế mạnh hàng tạm nhập tái xuất qua cảng Cái Lân thay vì về cảng Hải Phòng hiện nay.

- Trang website của Công ty triển khai còn chậm, ảnh hưởng đến công tác PR của Công ty.

- Trình độ ngoại ngữ còn yếu, Công ty đang mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ cho CBCNV.

- Sự cạnh tranh quyết liệt của CICT, các doanh nghiệp xếp dỡ ngoài vùng neo, các cảng khu vực Hải Phòng.

2.1.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Số lượng hàng tạm nhập tái xuất phụ thuộc theo hàng tàu container. Hiện nay, các hãng tàu container đều về khu vực Hải Phòng được thu gom từ nhiều cảng trên thế giới và trong nước.

- Chưa có hệ thống xe vận tải đường bộ và sà lan vận chuyển đường thủy, do đó nếu đi thuê giá thành cao, khó cạnh tranh.

- Chưa quyết liệt xây dựng trang website, profile, học ngoại ngữ và xây dựng phần mềm quản lý và thanh toán hàng rời.

2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất

2.2.1. Đạt được

- Năng suất xếp dỡ các mặt hàng chính đều vượt kế hoạch và có năng suất cao.
 - Sản lượng hàng hóa lưu kho năm 2018 tăng 43,6% so với cùng kỳ năm 2017.
 - Công tác quy hoạch, giao nhận, quản lý hàng hóa, công tác vận gom..., bố trí sắp xếp hàng trong kho khoa học, an toàn, đem lại hiệu quả nhất định.

- Công tác kết toán hàng hóa lưu kho nhanh chóng, chính xác, thuận tiện.
 - Công tác vệ sinh công nghiệp đảm bảo, thực hiện tốt quy trình nghiệp vụ xuất nhập và bảo quản hàng hóa lưu kho nên hạn chế được tình trạng bị lẫn hàng, hạn chế tối đa hàng hóa bị hư hỏng trong quá trình lưu giữ và bảo quản. Nhân viên kho nhiệt tình, mẫn cán, không gây khó khăn cho chủ hàng khi đến làm việc với Cảng góp phần nâng cao năng suất giải phóng tàu, đảm bảo gia tăng doanh thu dịch vụ.

- Tỷ lệ hao hụt năm 2018 là 0,22% (giảm 0,03%) so với năm 2017.
 - Tỷ lệ hao hụt hàng hóa lưu kho giảm, tạo được uy tín cũng như lòng tin của khách hàng khi đến Cảng.

- Tỷ lệ hao hụt trung bình cân/món toàn cảng giảm mạnh trong năm 2018.
 - Công tác điều hành có nhiều tiến bộ, việc lập và triển khai kế hoạch công khai, rõ ràng, sát với thực tế, có hiệu quả.

- Công khai thông tin làm hàng, kịp thời, cụ thể, chính xác giúp các chủ hàng và Cảng chủ động trong việc bố trí cầu và giải phóng tàu.

- Công tác an ninh trật tự, an toàn giao thông có nhiều chuyển biến tích cực.

- Mọi quan hệ với chủ hàng, chủ tàu và các bên liên quan trong sản xuất được tăng cường và cải thiện.

2.1.2. Tồn tại, hạn chế

- Các đơn vị chưa chủ động lập kế hoạch.
- Ý thức trách nhiệm của một số đơn vị từ lãnh đến nhân viên chưa cao, thiếu chủ động.
- Vẫn còn xảy ra việc chấp hành quy trình, quy định chưa tốt.

2.2.3. Phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Tính chuyên nghiệp của từ lãnh đạo các xí nghiệp đến nhân viên còn thấp.
- Khả năng ngoại ngữ yếu.
- Nhận thức, tư duy về kinh tế thị trường và sự cạnh tranh còn hạn chế.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu và định hướng chiến lược

3.1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu kinh doanh cảng biển:

- Đẩy mạnh hoạt động sales & marketing nhằm hoàn thành chỉ tiêu: Sản lượng hàng hóa tăng 5%; Doanh thu dịch vụ tăng 2,5%.

- Khai thác tối đa lợi thế cảng nước sâu và thế mạnh khai thác hàng TĂCN nhằm mục tiêu khai thác trên 70% sản lượng TĂCN khu vực miền Bắc.

- Đẩy mạnh hoạt động công tác chăm sóc khách hàng, tạo sự gắn kết sâu sắc giữa khách hàng và Công ty nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tạo niềm tin cho khách hàng khi hợp tác với Công ty. Giải quyết các kiến nghị, thắc mắc của khách hàng không quá 24h.

- Kiểm soát chặt chẽ quy trình chứng từ thanh toán, đảm bảo việc thanh toán của khách hàng luôn đúng hạn theo hợp đồng đã ký; kiểm soát công nợ, không để phát sinh nợ khó đòi, nợ xấu.

- Chuẩn hóa các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, giảm chi phí.

b) Mục tiêu trong sản xuất:

- Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng về cầu bến, thiết bị xếp dỡ, kho bãi chứa hàng, an ninh an toàn hàng hóa.

- Tăng năng suất xếp dỡ bình quân các mặt hàng là 5%.

- Giảm tỉ lệ hao hụt hàng hóa TĂCN dưới mức 0,18% hiện nay.

- Hiệu suất sử dụng cầu bến đạt > 85%.

- Không phát sinh tàu bị phạt.

- Chuẩn hóa quy trình xếp dỡ các mặt hàng: tăng năng suất, giảm chi phí...

- Hạn chế tối đa tai nạn lao động, không để xảy ra tai nạn chết người.

- Máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt > 80%.

c) Mục tiêu đầu tư:

- Công bố cầu 5, 6,7 đủ điều kiện tiếp nhận tàu 85.000 DWT giảm tải cập cầu.
- Lắp cột đèn 20m ngoài cổng Cảng: Đảm bảo tiến độ xong trước 30/6/2019.
- Làm nhà để phương tiện thiết bị xe cơ giới tại bến 5: Đảm bảo tiến độ xong trước ngày 31/8/2019.

3.1.2. Định hướng chiến lược

a) Trong hoạt động kinh doanh

- Lấy ngành hàng TĂCN làm trọng tâm trong hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.

- Định hướng là Cảng tổng hợp, ngoài mặt hàng TĂCN, sắt vụn, dăm gỗ,... đẩy mạnh khai thác thêm các mặt hàng mới có tỉ suất lợi nhuận cao nhằm khai thác tối đa các vị trí cầu bến hiện nay.

- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng thường phạt các mặt hàng nhằm tăng hiệu quả kinh doanh đồng thời là yếu tố tăng năng suất giải phóng tàu nhằm giảm ngày tàu chờ cầu, giảm chi phí giá thành.

- Đẩy mạnh dịch vụ logistics nhằm khai thác tối đa lợi thế sẵn có của cảng, các công ty con của Tập đoàn và tăng giá trị gia tăng.

- Xây dựng biểu cước dịch vụ Cảng theo quy chuẩn quốc tế, đảm bảo giá các dịch vụ có hiệu quả nhưng có tính cạnh tranh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở đánh giá phân tích hệ thống khách hàng của Cảng trong 03 năm qua.

- Tổ chức bộ máy kinh doanh chuyên nghiệp, chuẩn hóa các quy trình bán hàng, quy trình chăm sóc khách hàng, đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh đáp ứng yêu cầu trong các hoạt động bán hàng.

- Lấy chỉ tiêu kinh doanh làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, đánh giá năng lực nhằm điều chỉnh kịp thời nhân sự kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

b) Trong hoạt động sản xuất

- rà soát đánh giá lại toàn bộ máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà kho, bãi...; sử dụng những máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, nhà xưởng phù hợp với tình hình thực tế nhằm giảm khấu hao, giảm chi phí trong sản xuất.

- Lập kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực cầu bến, thiết bị, con người nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm tỉ lệ hao hụt, kiểm soát tốt định mức tiêu hao nhiên liệu, công cụ dụng cụ.

- Khai thác tối đa năng lực cầu bến, tránh để thời gian cầu trống, đồng thời liên kết với đối tác khai thác tại bến 2/3/4 và tổ chức sản xuất tại các điểm neo.

- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp. Gắn trách nhiệm của cá nhân, đơn vị với chất lượng sản phẩm xuất ra thị trường.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các quy trình, công đoạn sản xuất theo quy định đã ban hành.

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp thiết bị cũ, đầu tư mới trang thiết bị nhằm đạt mục tiêu sản xuất đã đề ra.

- Khai thác tối đa hệ thống nhà kho, hệ thống bãi, đồng thời đưa dự án 6,2ha vào kế hoạch khai thác trong năm 2019.

c) Trong quản lý điều hành.

- Rà soát toàn bộ các chi phí: cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước,... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty.

- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.

- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Tổ chức định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm họp giao ban đánh giá kết quả công việc từng phòng ban đơn vị, nhằm kịp thời nắm bắt các khó khăn vướng mắc phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để chỉ đạo giải quyết.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng phù hợp đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn mức thu nhập hàng năm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát. đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết & nâng cao năng suất lao động trong toàn công ty.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD

3.2.1. Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ vào mục tiêu ưu tiên của CQN về chiến lược phát triển mặt hàng, ngành hàng;
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;
- Căn cứ vào môi trường kinh doanh năm 2019 (Vĩ mô và địa phương ...Dự báo);
- Căn cứ vào tình hình và dự báo về khách hàng, thị trường và ngành hàng Cảng đang thực hiện;
- Căn cứ vào năng lực và khả năng của Cảng.

3.2.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2019

TT	Chỉ tiêu năm 2019	ĐVT	TH 2018	KH 2019	Tăng trưởng	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
I	Chỉ tiêu hoạt động SXKD					

TT	Chỉ tiêu năm 2019	ĐVT	TH 2018	KH 2019	Tăng trưởng	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	Chỉ tiêu kinh doanh Cảng biển					
1.1	Sản lượng thông qua	Tấn	8.639.118	9.070.000	430.882	4,99%
1.2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn	8.927.130	9.375.000	447.870	5,02%
1.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	415,51	426,00	10	2,52%
1.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	92,90	93,10	0	0,22%
2	Chỉ tiêu kinh doanh nông sản					
2.1	Sản lượng	Tấn	909.990	800.000	-109.990	-12,09%
2.2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.624	4.242	-382	-8,26%
2.3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.013	1.001	-12	-1,18%
II	Chỉ tiêu tài chính					
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.823,0	2.823,0	0	0,00%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	599,67	612,01	12	2,06%
III	Chỉ tiêu lao động					
1	Số lượng lao động (bình quân)	Người	758	772	14	1,85%
2	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ người/ tháng	11,76	11,852	0,092	0,78%

3.2.3. Kế hoạch đầu tư

➤ Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019

TT	Tên hạng mục	Giá trị (đồng)		Thời gian thực hiện				Đánh giá
		Vốn của Cảng	Vốn khác	Q1	Q2	Q3	Q4	
I	Các hạng mục đang thực hiện dở dang năm 2018 chuyển sang năm 2019: 05 hạng mục	208,326,380		x				
II	Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019							
1	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: 09 hạng mục	824,348,952		x	x	x	x	Chưa triển khai
2	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (≤100 triệu đồng): 12 hạng mục	550,338,206		x	x	x	x	Chưa triển khai
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (>100 triệu đồng): 12 hạng mục	2,729,560,335		x	x	x	x	Chưa triển khai
4	Các dự án đầu tư mới: 03 dự án	4,325,323,498		x	x	x	x	Chưa triển khai
	Tổng	8,637,897,371						

➤ Kế hoạch sửa chữa, đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ 2019

TT	Tên dự án/Hạng mục đầu tư	Tổng kinh phí (đồng)	Giá trị đầu tư dự kiến 2019		Ghi chú
			Vốn của Cảng	Vốn khác	
1	02 xe xúc lật 955H	2,730,000,000	x		Chuyển từ năm 2018 sang, đầu tư vào quý 1/2019
2	Ngoam hoa thị 7 cánh 5m3	3,430,000,000	x		Chuyển từ năm 2018 sang, đầu tư vào quý 1/2019
3	02 phễu rót hàng rời	2,600,000,000	x		Chuyển từ năm 2018 sang, đầu tư vào quý 1/2019
4	02 xe tải Cửu Long 8T	1,800,000,000	x		Đầu tư vào quý 2 năm 2019
5	Xe con 5 chỗ Prado VX 2019	2,500,000,000	x		Đầu tư vào quý 2 năm 2019
6	02 xe gạt D41P	3,500,000,000	x		Đầu tư vào quý 1 năm 2019
7	Bảng tải chuyên hàng	1,500,000,000	x		Đầu tư vào quý 1 năm 2019
8	Sửa chữa cầu Libbher 1300	6,400,000,000	x		Đầu tư vào quý 1 năm 2019
9	Cầu bờ di động cũ sức nâng 50T	35,000,000,000	x		Đầu tư vào quý 2 năm 2019
10	Sửa chữa xe nâng chụp	1,000,000,000	x		Đầu tư vào quý 2 năm 2019
	Tổng	60,460,000,000	60,460,000,000	-	

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2018, tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn ra phức tạp gây ra những rủi ro, thách thức tới nền kinh tế Việt Nam như diễn biến thị trường ngoại hối khó lường, chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế chủ chốt (Mỹ - Trung Quốc – EU) diễn ra căng thẳng hơn, có thể ảnh hưởng rất lớn tới xuất khẩu, tỷ giá, tăng trưởng kinh tế. Xu hướng bảo hộ thương mại và hàng rào phi thuế quan ngày càng gia tăng. Nhằm đảm bảo sự tăng trưởng của thị trường nội địa, nhiều quốc gia ngày càng có xu hướng bảo hộ thương mại và áp đặt nhiều hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa Việt Nam, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam nói riêng và hoạt động sản xuất nói chung. Do đó có tác động ít nhiều đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng.

Hạ tầng giao thông kết nối Cảng với các khu kinh tế, khu công nghiệp khác chưa được cải thiện, thường xuyên gây ùn tắc tại khu vực đường vào Cảng. Hệ thống luồng lạch, vùng quay trở tàu bị sa bồi và chưa được đầu tư kịp thời dẫn đến hạn chế tàu có trọng tải lớn vào Cảng. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xếp dỡ, các cảng với nhau ngày càng khốc liệt, đặc biệt là giá xếp dỡ ngày càng giảm sâu. Tất cả những vấn đề này đã gây ra những khó khăn nhất định cho Cảng Quảng Ninh.

Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã thực hiện tốt công tác đổi mới, sắp xếp lại sản xuất, lao động, quản trị tốt chi phí do đó các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng so với năm 2017 và vượt kế hoạch đặt ra. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và tăng trưởng. Thu nhập của người lao động có sự tăng trưởng so với năm 2017. Công tác đầu tư đã được chú trọng, việc đầu tư trang thiết bị phục vụ xếp dỡ kịp thời đã góp phần mang lại hiệu quả tốt trong công tác khai thác tàu, tăng năng suất giải phóng tàu, giảm thiểu tình trạng ùn tắc phương tiện vận chuyển.

Công tác thu hồi công nợ được quan tâm, đẩy mạnh kiểm soát và đạt được kết quả hết sức khả quan, vòng quay phải thu tăng nhanh, thời gian thu tiền được rút ngắn đáng kể, số nợ quá hạn giảm, cơ cấu tuổi nợ hợp lý hơn.

Công ty đã và đang tiếp tục chuẩn hóa chức năng, nhiệm vụ từng phòng ban, đơn vị, và đang tiến hành định biên nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc thực hiện đề án tái cấu trúc tổ chức bộ máy và cải tạo nguồn nhân lực được kỳ vọng sẽ nâng cao hơn nữa hiệu

quả hoạt động quản lý và điều hành, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, chuyên môn hóa và tối ưu hóa chức năng của các phòng ban, sắp xếp nhân sự hợp lý, phát hiện và đào tạo nguồn nhân lực.

Quy chế lương mới đã khuyến khích người lao động hăng say sản xuất, tăng năng suất lao động và đảm bảo công bằng cho cán bộ công nhân viên. Việc hoàn thành xây dựng quy chế và tiêu chí đánh giá, bình bầu thi đua và phát động phong trào thi đua SXKD đã góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong toàn Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ BDH và các quản lý cấp trung.

Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh khai thác cảng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo BDH hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 của Công ty.
- Chỉ đạo BDH tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ làm hàng để nâng cao năng lực xếp dỡ, làm hàng của Cảng.
- Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng: tiếp tục hoàn thành các thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng dự án đã được phê duyệt chủ trương.
- Hoàn thành công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và sắp xếp, cải tạo nguồn nhân lực Công ty, tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực mới.
- Xây dựng đồng bộ và chuẩn hóa hệ thống quy chế, quy trình nhằm nâng cao hiệu quả, rút ngắn thời gian và tiết giảm chi phí cho Công ty. Xây dựng và áp dụng hệ thống phần mềm quản lý (phần mềm quản lý kho, phần mềm quản lý hàng rời, phần mềm quản lý văn phòng...).
- Hội đồng quản trị tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị theo phạm vi quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty đã họp định kỳ và bất thường hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả đạt được trong quý, xử lý tồn tại và đưa ra định hướng hoạt động trong quý tiếp theo. Hội đồng quản trị thường xuyên bám sát hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết sách phù hợp và kịp thời.

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lương Thị Yên	Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2018, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc năm 2018 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, BTGD trong năm 2018;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 đối với HĐQT và BTGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Tổng số tiền thù lao năm 2018
1	Chủ tịch HĐQT	283.226.277
2	Thành viên HĐQT	774.338.320
3	Trưởng BKS	203.774.453
4	Thành viên BKS	206.241.240
Tổng cộng		1.467.580.290

- Thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	LNST năm 2017 theo BCTC đã được kiểm toán	71.083.487.052
	<i>Phương án phân phối lợi nhuận:</i>	
2	Chi cổ tức (10,0%*Vốn điều lệ):	50.049.936.000
3	Phân phối các quỹ	5.753.607.441
	3a. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	1.330.437.459
	3b. Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	4.423.169.982
4	Lợi nhuận năm 2017 giữ lại (1-2-3)	15.279.943.611

Tổng hợp lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng/phụ trách kế toán/ trưởng phòng TCKT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng cộng tiền lương, thưởng
1	Bùi Quang Đạo	TGD	1.459.048.944
2	Hoàng Trọng Tùng	P.TGD	988.471.641
3	Đình Anh Tuấn	P.TGD	848.751.230
4	Quách Đình Phú	P.TGD	841.149.304
5	Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng	400.948.447
Tổng cộng			4.538.369.566

4. Các giao dịch của cổ đông nội bộ: Không có
 5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
 6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong thời gian từ tháng 8/2014 đến nay, Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh đã trải qua nhiều biến động về mô hình và chủ sở hữu, do đó hiện Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các quy định pháp luật về quản trị công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập

Chi tiết theo Báo cáo tài chính đính kèm

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://www.quangninhport.com.vn> *huc*

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÙI QUANG ĐẠO